

THANH TRA CHÍNH PHỦ
BAN TỔ CHỨC CUỘC THI “TÌM
HIỂU PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG,
CHỐNG THAM NHŨNG”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÀI DỰ THI

TÌM HIỂU PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

Kính gửi: Ban Tổ Chức Cuộc Thi “Tìm Hiểu Pháp Luật Về PCTN.

Họ tên người dự thi: **LƯU MINH HÒA**

Ngày tháng năm sinh: 01.01.1975

Số căn cước công dân (hoặc số CMT):

Địa chỉ: Ấp Bãi Giếng, xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang

Đơn vị công tác: Đại Diện Cảng Vụ Hàng Hải Tại Hòn Chông

Số điện thoại liên hệ: 0918.858817

A. PHẦN THI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 có hiệu lực thì hành khi nào?

- A. 01/7/2019
- B. 20/11/2018
- C. 04/12/2018
- D. 23/11/2019.

Câu 2. Những quy định mới của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 là?

- A. Phòng, chống tham nhũng khu vực ngoài nhà nước
- B. Kiểm soát xung đột lợi ích
- C. Quy định về cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập
- D. Cả 3 phương án trên.

Câu 3. Hành vi tham nhũng có thể xảy ra ở đâu?

A. Trong cơ quan, tổ chức của nhà nước

B. Trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước và doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước

C. Trong cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nhà nước

D. Trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước.

Câu 4. Có bao nhiêu hành vi tham nhũng trong khu vực nhà nước?

A. 03 hành vi

B. 05 hành vi

C. 07 hành vi

D. 12 hành vi

Câu 5. Trong số những hành vi sau đây, hành vi nào không phải hành vi tham nhũng?

A. Giả mạo trong công tác vì vụ lợi

B. Công chức lừa đảo chiếm đoạt tài sản

C. Công chức nhũng nhiễu vì vụ lợi

D. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản công vì vụ lợi.

Câu 6. Hành vi nhận tiền, sửa điểm thi là hành vi nào trong số các hành vi sau đây?

A. Gian lận trong thi cử

B. Nhận hối lộ

C. Tiêu cực

D. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.

Câu 7. Tài sản tham nhũng là tài sản nào sau đây?

A. Tài sản do tham ô mà có

B. Tài sản có được từ hành vi tham nhũng, có nguồn gốc từ hành vi tham nhũng

C. Tài sản do nhận hối lộ mà có

D. Cả ba trường hợp trên.

Câu 8. Kế toán trưởng của công ty tư nhân làm sai lệch hóa đơn, chứng từ để rút tiền của công ty là hành vi gì?

A. Trộm cắp

B. Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản

C. Tham ô

D. Biền thủ.

Câu 9. Nội dung giải trình khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân?

A. Cơ sở pháp lý của việc ban hành quyết định

B. Thẩm quyền ban hành quyết định

C. Nội dung của quyết định

D. Cả ba phương án trên.

Câu 10. Người có chức vụ, quyền hạn không bị cấm việc nào sau đây?

A. Thành lập, tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân

B. Mua cổ phần, góp vốn vào doanh nghiệp tư

C. Sử dụng trái phép thông tin của cơ quan, tổ chức, đơn vị

D. Nhũng nhiễu trong giải quyết công việc.

Câu 11. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị không bị cấm làm việc nào sau đây?

A. Tuyển dụng con, anh, chị, em ruột vào cơ quan, tổ chức, đơn vị mình

B. Bổ nhiệm vợ (chồng), con giữ chức vụ quản lý về tổ chức nhân sự

C. Bổ trí vợ (chồng), con, anh, chị, em ruột làm kế toán trưởng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình

D. Làm thủ quỹ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

Câu 12. Người có chức vụ, quyền hạn không được nhận quà tặng nào dưới đây của tổ chức, cá nhân có liên quan đến công việc do mình giải quyết hoặc thuộc phạm vi quản lý của mình?

- A. Từ 5 trăm nghìn đồng trở lên
- B. Từ 2 triệu đồng trở lên
- C. Từ 10 triệu đồng trở lên
- D. Không được nhận.

Câu 13. Người được giao thực hiện nhiệm vụ công vụ nếu biết nhiệm vụ công vụ được giao có xung đột lợi ích thì cần ứng xử như thế nào?

- A. Phải tạm dừng việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó
- B. Phải báo cáo người có thẩm quyền để xem xét, xử lý
- C. Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ công vụ và sau đó báo cáo người có thẩm quyền
- D. Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ công vụ và tránh các hiện tượng tham nhũng, tiêu cực.

Câu 14. Công việc nào trong số những công việc sau đây có mục đích phòng ngừa tham nhũng?

- A. Luân chuyển cán bộ
- B. Điều động cán bộ
- C. Chuyển đổi vị trí công tác
- D. Biệt phái cán bộ.

Câu 15. Thời hạn chuyển đổi vị trí công tác được quy định như thế nào?

- A. 02 năm
- B. 05 năm
- C. 02 đến 05 năm theo đặc thù của từng lĩnh vực
- D. 04 năm

Câu 16. Những vị trí nào sau đây phải được chuyển đổi vị trí công tác?

- A. Làm việc liên quan đến công tác tổ chức cán bộ
- B. Quản lý tài chính công, tài sản công
- C. Trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân khác
- D. Tất cả các trường hợp trên.

Câu 17. Trường hợp nào sau đây chưa thực hiện chuyển đổi vị trí công tác?

- A. Người đang bị xem xét, xử lý kỷ luật
- B. Người đang bị kiểm tra, xác minh, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử
- C. Người đang điều trị bệnh hiểm nghèo được cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận
- D. Cả ba phương án trên.

Câu 18. Việc thanh toán không dùng tiền mặt bắt buộc đối với các khoản thu chi nào sau đây?

- A. Trên 2 triệu
- B. Trên 5 triệu
- C. Lương hàng tháng
- D. Các khoản chi lương, thưởng và chi khác có tính chất thường xuyên.

Câu 19. Quy định về kê khai tài sản, thu nhập có từ khi nào?

- A. 1995
- B. 1998
- C. 2005
- D. 2012

Câu 20. Cơ quan nào sau đây không phải là cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập?

- A. Thanh tra Bộ, cơ quan ngang bộ
- B. Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
- C. Thanh tra Chính phủ
- D. Tòa án nhân dân tối cao.

Câu 21. Người nào sau đây không phải kê khai tài sản, thu nhập?

- A. Thanh tra viên
- B. Giáo viên
- C. Thẩm phán
- D. Giám đốc bệnh viện công.

Câu 22. Người có chức vụ, quyền hạn trong tổ chức, doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước có bắt buộc phải kê khai tài sản thu nhập không?

- A. Có
- B. Không
- C. Chỉ những người đứng đầu tổ chức, doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước mới phải kê khai.
- D. Người giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên tại tổ chức, doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước phải kê khai.

Câu 23. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản phải kê khai tài sản nào?

- A. Tài sản của mình
- B. Tài sản của mình và tài sản của cha, mẹ, vợ, con mình
- C. Tài sản của mình, của vợ hoặc chồng và con chưa thành niên
- D. Tài sản của mình và tài sản chung với vợ, chồng, con chưa thành niên.

Câu 24. Kết luận xác minh tài sản, thu nhập bao gồm những nội dung nào sau đây?

- A. Tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của việc kê khai tài sản, thu nhập

- B. Tính trung thực trong việc giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm
- C. Kiến nghị của người có thẩm quyền xử lý vi phạm quy định pháp luật về kiểm soát tài sản, thu nhập
- D. Cả ba phương án trên.

Câu 25. Cán bộ, công chức phát hiện hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình thì phải xử lý như thế nào?

- A. Tố cáo với cơ quan thanh tra nhà nước
- B. Tố cáo với cơ quan điều tra
- C. Báo cáo với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị mình
- D. Cả ba phương án trên.

B. PHẦN TỰ LUẬN

Anh (chị) hãy trình bày và phân tích các giai đoạn phát triển của pháp luật về phòng, chống tham nhũng ở nước ta từ năm 1945 đến nay?

Tham nhũng là một hiện tượng xã hội gắn liền với sự hình thành giai cấp và sự ra đời, phát triển của bộ máy nhà nước. Tệ nạn tham nhũng diễn ra ở tất cả các quốc gia, không phân biệt chế độ chính trị, không kể quốc gia đó giàu hay nghèo, đang ở trình độ phát triển kinh tế như thế nào; tham nhũng diễn ra ở mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, văn hoá, nó tồn tại và phát triển thường xuyên và xảy ra mọi mặt của đời sống xã hội. Tham nhũng là một căn bệnh nguy hiểm, gây ra những hậu quả hết sức nguy hại về mặt kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, cản trở sự phát triển đi lên của xã hội.

Khái niệm tham nhũng gắn bó chặt chẽ với sự tồn tại và phát triển của bộ máy nhà nước. Tham nhũng là căn bệnh đồng hành đặc trưng của mọi Nhà nước, là khuyết tật của quyền lực, đó là biểu hiện của sự “tha hóa quyền lực của Nhà nước”. Hình thức, tính chất, mức độ và phương thức tham nhũng thay đổi tùy thuộc vào bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội...

Hiện nay định nghĩa tham nhũng theo hiện tượng, hành vi chưa có sự thống nhất, được thể hiện theo những cách khác nhau, tuy nhiên tham nhũng cần được nhìn nhận là hiện tượng tiêu cực mang tính lịch sử, nảy sinh trong quá trình hoạt động của bộ máy nhà nước. Đó là những hành vi xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, vi phạm đạo đức, kỷ luật, pháp luật; lợi dụng vị trí, quyền hạn, thực hiện hành vi trái pháp luật nhằm trục lợi cho cá nhân, chiếm đoạt bất hợp pháp nguồn lực của tập thể.

Chúng ta thấy có những dấu hiệu đặc trưng: Tham nhũng là hành vi của những người có chức vụ và quyền hạn, đây là đặc trưng cơ bản nhất; thứ hai, người có chức vụ, quyền hạn lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để vi phạm pháp luật trực tiếp hay gián tiếp lợi dụng ảnh hưởng của chức vụ, quyền hạn trong công tác; thứ ba, người có chức vụ, quyền hạn không làm hết trách nhiệm và công việc được giao mà vì vung vén về vật chất hoặc tinh thần cho riêng mình hoặc cho người thân thích.

Sơ lược các giai đoạn phát triển của pháp luật về phòng, chống tham nhũng (PCTN) ở nước ta. Như định nghĩa tham nhũng, nó gắn liền với sự phát triển của nền kinh tế, văn hóa, xã hội... của đất nước. Do đó, từng giai đoạn xã hội sẽ có sự hình thành, bổ sung quy định, biện pháp của pháp luật PCTN phù hợp để cảnh báo, phát hiện, ngăn ngừa, trừng trị, răn đe, giáo dục..., các giai đoạn phát triển có thể chia tương đối theo tình hình xã hội lúc bấy giờ như sau:

1/ Giai đoạn từ năm 1945 đến trước khi có Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005.

Năm 1945, Cách mạng Tháng tám thành công. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Chính quyền non trẻ đã bắt tay ngay vào công cuộc xây dựng nền dân chủ, kiến thiết đất nước và đấu tranh chống lại âm mưu xâm lược của các thế lực bên ngoài. Đây là một công việc hết sức mới mẻ và khó khăn. Lúc đó chưa có một hệ thống pháp luật làm cơ sở để quản lý của chính quyền, đồng thời cũng bắt đầu có hiện tượng một số người trong chính quyền có tình lợi dụng địa vị để mưu lợi cá nhân, tham ô, lãng phí... Trước nguy cơ đó, nhằm bảo

vệ các quyền, lợi ích của nhà nước và nhân dân. Ngày 23/11/1945, nhân danh Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 64-SL thành lập Ban Thanh tra Đặc biệt. Bản Sắc lệnh là văn kiện cơ sở pháp lý hoạt động của thanh tra, về việc xét xử của tòa án, nội dung Thanh tra...đồng thời cũng đặt viên gạch đầu tiên cho việc xây dựng hệ thống pháp luật về thanh tra, cũng là văn bản pháp lý đầu tiên về đấu tranh chống tham nhũng của nước ta.

Như vậy, có thể thấy rõ ngay từ đầu, Đảng ta và Bác Hồ đã nhìn thấy nguy cơ của căn bệnh quyền lực có thể phá hoại sự nghiệp cách mạng của dân tộc; giành chính quyền đã khó, giữ chính quyền còn khó hơn rất nhiều.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954, thời kỳ miền Bắc hoàn toàn được giải phóng và bước vào khôi phục kinh tế, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng và thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Trước yêu cầu thực tiễn về thực hiện chủ trương của Đảng và quản lý nhà nước. Ngày 28/3/1956, Sắc lệnh số 261/SL ra đời, thành lập Ban Thanh tra Trung ương của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa. Sắc lệnh có nhiều quy định mới đảm bảo việc chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách và mệnh lệnh của Chính phủ, để giữ gìn pháp luật và bảo hộ tài sản của Nhà nước; Quy định rõ nhiệm vụ của Ban Thanh tra, nội dung được thanh tra các bộ, các cơ quan hành chính các cấp và các doanh nghiệp của nhà nước...

Sự ra đời của Ban Thanh tra đặc biệt và những hoạt động của nó đã giúp cho đấu tranh với những hành vi vi phạm của những kẻ thoái hoá, biến chất, tham ô của công trong cơ quan công quyền nhà nước lúc bấy giờ. Nhiều vụ việc tiêu cực đã bị phát hiện và được xử lý, mang lại niềm tin của nhân dân vào chế độ mới.

Trước khi có Pháp lệnh chống tham nhũng năm 1998 và Bộ luật hình sự năm 1999. Giai đoạn này những quy định về phòng ngừa, chống tham nhũng thể hiện chủ yếu qua các văn bản pháp luật do Chính phủ ban hành, các quy

định rải rác trên các văn bản... Tuy nhiên có thể kể đến một số văn bản quy định trực tiếp về vấn đề chống tham nhũng như:

- Chỉ thị số 84/TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 09/9/1964 về việc tổng hợp tình hình tham ô, lãng phí quan liêu;

- Quyết định số 207/CP ngày 6/12/1962 về việc vận động nêu cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế, tài chính, chống tham ô lãng phí, quan liêu;

- Quyết định số 240/HĐBT ngày 26/6/1990 của Hội đồng Bộ trưởng về đấu tranh chống tham nhũng;

- Chỉ thị số 416/CT ngày 3/12/1990 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc tăng cường công tác thanh tra, xử lý các việc tham nhũng, buôn lậu;

- Chỉ thị số 08/CT-TATC ngày 06/12/1990 của Tòa án nhân dân tối cao về việc chống tham nhũng, buôn lậu qua biên giới và một số tội phạm kinh tế khác;

- Quyết định số 114/TTg ngày 21/11/1992 của Thủ tướng Chính phủ về những biện pháp cấp bách nhằm ngăn chặn tham nhũng, buôn lậu;

- Chỉ thị số 171/TTg ngày 16/12/1990 của Thủ tướng Chính phủ về việc chống tham nhũng, lãng phí, thất thoát trong xây dựng cơ bản;

- Về các biện pháp hình sự nhằm xử lý các tội phạm về tham nhũng đáng kể nhất có các văn bản: Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa ngày 21/10/1970, Pháp lệnh trừng trị tội hối lộ năm 1981 và các quy định tội phạm về chức vụ trong Bộ luật Hình sự năm 1986...

Nhìn chung, qua các giai đoạn phát triển thời gian này, Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản pháp luật tạo cơ sở pháp lý cho cuộc đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, tham ô, hối lộ... Tuy nhiên, các văn bản chủ yếu dưới luật, tản mát, quy định còn chung chung, định hướng, chủ trương mà chưa tạo ra những thiết chế, cơ chế cần thiết làm cơ sở vững chắc cho việc đấu tranh

chống tham nhũng; chỉ chú trọng đến việc xử lý mà chưa có đủ quy định tạo ra cơ chế phòng ngừa tham nhũng nên hiệu quả thi hành còn hạn chế.

Nhằm khắc phục bất cập trên, ngày 26/02/1998, Pháp lệnh chống tham nhũng năm 1998, Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa X ban hành và thông qua tại kỳ họp thứ 2. Đây là văn bản pháp lý đầu tiên chuyên biệt về chống tham nhũng, trong đó đưa ra định nghĩa về hành vi tham nhũng, người có chức vụ quyền hạn, các biện pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng... cũng như quy định cụ thể có tính chất "lượng hoá" để phân biệt các hình thức xử lý người có hành vi tham nhũng, và sự ra đời Nghị định số 64/1998/NĐ-CP ngày 17/8/1998 của Chính phủ, quy định kê khai tài sản của người có chức vụ, quyền hạn.

Đến năm 1999, Bộ Luật hình sự ra đời, trong đó có quy định một nhóm tội danh gồm có 07 tội danh tham nhũng. Vì vậy đến ngày 28/4/2000, Pháp lệnh chống tham nhũng năm 1998 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều cho phù hợp với Bộ luật hình sự năm 1999.

Tóm lại, qua thực hiện Pháp lệnh 1998 (sửa đổi, bổ sung năm 2000) đã tạo cơ sở pháp lý bước đầu cho công tác phòng ngừa, đấu tranh tham nhũng. Các cấp, các ngành đã có nhiều cố gắng trong việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời nhiều vụ việc tham nhũng, thu hồi một số lượng lớn tiền, tài sản cho Nhà nước và nhân dân. Tuy nhiên, qua quá trình triển khai thực hiện, các quy định cũng bộc lộ nhiều khiếm khuyết, bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu của cuộc đấu tranh phòng ngừa, chống tham nhũng. Thể hiện quyết tâm của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta về đấu tranh chống tham nhũng trong tình hình mới, và khắc phục những hạn chế, cần xây thiết dựng Luật Phòng, chống tham nhũng là một yêu cầu khách quan và rất bức thiết.

2/ Giai đoạn thực hiện Luật Phòng chống, tham nhũng 2005 đến nay.

Qua thực tiễn triển khai thực hiện, Pháp lệnh chống tham nhũng đã bộc lộ nhiều khiếm khuyết, bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tham nhũng, như các biện pháp phòng ngừa tham

những còn chưa đầy đủ, chưa cụ thể; quy định trách nhiệm chung chung cho các cơ quan nhà nước mà chưa có quy định về cơ chế phối hợp để lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chức năng. Việc xác định cụ thể phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của từng cơ quan chống tham nhũng chưa rõ ràng, thiếu cơ chế điều phối hoạt động; chưa có các quy định để tạo điều kiện cho cơ quan thanh tra, điều tra, giám sát áp dụng các biện pháp để đấu có hiệu quả; cơ chế tiếp nhận và xử lý tố cáo tham nhũng chưa hợp lý; thiếu các quy định về tạo thuận lợi, động viên, khuyến khích việc tố giác tham nhũng, tiêu cực; chưa tạo ra cơ chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước với các tổ chức xã hội, đoàn thể, cơ quan báo chí, cộng đồng doanh nghiệp, các hiệp hội nghề nghiệp, công dân nhằm phát huy sức mạnh của toàn xã hội...

Mặt khác yêu cầu của quá trình hội nhập nói chung, đặc biệt là việc chúng ta ký kết và tham gia Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng đòi hỏi chúng ta phải ban hành đạo luật mới, tạo ra khuôn khổ pháp luật đầy đủ và mạnh mẽ hơn để nâng cao hiệu quả đấu tranh chống tham nhũng, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Vì những lý do đó, ngày 29/11/2005, Quốc hội khoá XI, kỳ họp thứ 8 đã ban hành và thông qua Luật Phòng, chống tham nhũng 2005

Luật PCTN năm 2005 có hiệu lực thi hành ngày 01/6/2006, là đạo luật đầu tiên do Quốc hội ban hành có hiệu lực pháp luật cao, được dư luận đánh giá là một đạo luật có quy định khá toàn diện, đầy đủ về đấu tranh phòng ngừa, chống tham nhũng.

Sau hai năm triển khai thực hiện Luật, cũng nhằm kịp thời khắc phục một số bất cập, vướng mắc, nên ngày 04/8/2007, Quốc hội khóa XII đã ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCTN năm 2005. Đồng thời, thể chế hóa các Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 3 khóa X, Hội nghị Trung ương 5 khóa XI, vào ngày 23/11/2012, Quốc hội đã tiếp tục ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCTN năm 2005. Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật về PCTN còn phải kể đến các văn bản dưới pháp luật như:

- Nghị định số 120/2006/NĐ-CP ngày 20/10/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng.

- Nghị định số 107/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách.

- Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007 của Chính phủ quy định về minh bạch tài sản, thu nhập. Nghị định số 68/2011/NĐ-CP ngày 08/8/2011 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 37/2007/NĐ-CP.

- Nghị định số 47/2007/NĐ-CP ngày 27/3/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống tham nhũng về vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng.

- Nghị định số 102/2007/NĐ-CP ngày 14/6/2007 của Chính phủ quy định thời hạn không được kinh doanh trong lĩnh vực có trách nhiệm quản lý đối với những người là cán bộ, công chức, viên chức sau khi thôi giữ chức vụ.

- Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ quy định về danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức.

- Ngoài ra, còn các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư của một số bộ, ngành cũng quy định về phòng, chống tham nhũng.

Qua tổng kết quả thực hiện Luật PCTN năm 2005 cho thấy đã đạt được những kết quả quan trọng, tuy nhiên vẫn còn bất cập như về công khai, minh bạch còn chưa mang tính bao quát và thiếu các biện pháp bảo đảm thực hiện, trách nhiệm thực hiện công khai; Quy định về trách nhiệm giải trình chưa phù hợp, còn hẹp, chưa toàn diện; trình tự, thủ tục và nội dung, trách nhiệm giải trình còn chưa rõ ràng; thiếu cơ chế giám sát, tiếp nhận, xử lý thông tin, phản ánh vi phạm; chưa kiểm soát được hoạt động và thu nhập ngoài công vụ của người có chức vụ, quyền hạn; Các quy định về xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa cụ thể, rõ ràng và không khuyến khích được tính chủ động của

người đứng đầu trong phòng ngừa, phát hiện; các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập chưa kiểm soát biến động, vướng mắc về trình tự, thủ tục công khai bản kê khai, giải trình, xác minh tài sản, thu nhập khi có yêu cầu, chưa quy định rõ việc sử dụng bản kê khai tài sản vào mục đích phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng...; Các quy định về cơ chế phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chưa phù hợp, đặc biệt là cơ chế phối hợp giữa cơ quan thanh tra, kiểm toán với cơ quan điều tra trong phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng; chưa phát huy vai trò của từng cơ quan trong xử lý vụ việc có dấu hiệu tham nhũng; thiếu các quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo, các biện pháp bảo đảm thực hiện, đặc biệt các biện pháp bảo vệ người tố cáo, khen thưởng người có thành tích trong tố cáo tham nhũng...; thiếu các biện pháp xử lý phi hình sự đối với tổ chức, cá nhân và quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền để xử lý các hành vi tham nhũng...

Những hạn chế, bất cập nêu trên, dẫn đến tình trạng làm giảm hiệu lực, hiệu quả công tác đấu tranh, ngăn ngừa tệ nạn tiêu cực, tham nhũng trên mọi lĩnh vực. Từ đó, ngày 20/11/ 2018: Luật PCTN năm 2018 được Quốc hội khóa XIV ban hành và thông qua tại kỳ họp thứ 6, có hiệu lực ngày 01/7/2019 thay thế Luật PCTN năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2007, năm 2012). Một số điểm đáng chú ý của Luật mới như:

- Về phạm vi điều chỉnh Luật năm 2018 mở rộng phạm vi điều chỉnh hơn, đã sửa quy định “người có hành vi tham nhũng” của Luật 2005. Luật 2018 không chỉ có người có hành vi tham nhũng mà cả cơ quan, tổ chức có hành vi tham nhũng đều bị xử lý.

- Về hành vi tham nhũng Luật 2005 chỉ quy định ở khu vực công, còn Luật 2018 quy định hành vi tham nhũng khu vực trong nhà nước và hành vi tham nhũng ngoài khu vực nhà nước.

- Mở rộng đối tượng kê khai tài sản, thu nhập so với luật cũ chỉ một số cán bộ, công chức.

- Thêm một số loại tài sản, thu nhập phải kê khai; Biến động tài sản từ 300 triệu đồng trên năm phải kê khai bổ sung; Bản kê khai tài sản, thu nhập phải được công khai; Thời gian kê khai tài sản, thu nhập trước 31/12; Người kê khai không trung thực có thể bị thôi việc; Cơ quan xảy ra tham nhũng, người đứng đầu phải chịu trách nhiệm...

Đảng, Nhà nước đã khẩn trương cụ thể hóa, xác định PCTN là nhiệm vụ, giải pháp thường xuyên, quan trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài; gắn công tác PCTN với đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Từ đó, Đảng và Nhà nước đã đề ra nhiều Nghị quyết, cơ chế, chính sách quan trọng trong thời gian này. Ví dụ như thành lập Ban chỉ đạo PCTN, ra đời Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCTN, có hiệu lực thi hành ngày 15/8/2019...

Tổng kết công tác PCTN giai đoạn 2013-2020, Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, đã đánh giá: Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất của Đảng và Nhà nước đã có một bước tiến mạnh, đột phá, đạt nhiều kết quả rất quan trọng, toàn diện, rõ rệt, được cán bộ, đảng viên và Nhân dân đồng tình, hưởng ứng, đánh giá cao, cộng đồng quốc tế ghi nhận, góp phần quan trọng vào công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, giữ vững ổn định chính trị và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Thể hiện qua công tác điều tra, truy tố, xét xử được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đúng quan điểm chỉ đạo của Đảng, “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”, nhiều vụ án tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, nhiều cán bộ, kể cả cán bộ cấp trung ương bị xử lý nghiêm khắc, nhưng cũng rất nhân văn, có tác dụng cảnh tỉnh, răn đe, phòng ngừa tham nhũng có hiệu quả, tạo bước đột phá trong công tác phát hiện và xử lý tham nhũng và thu hồi được nhiều tài sản tham nhũng;

- Công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán được tăng cường, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh nhiều sai phạm, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và bộ máy nhà nước...

- Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, nhiều quy định PCTN được ban hành và tổ chức thực hiện nghiêm túc, vừa để giáo dục, phòng ngừa, ngăn chặn, vừa là căn cứ để phát hiện, xử lý tiêu cực, tham nhũng.

- Có nhiều đổi mới trong công tác cán bộ, cải cách hành chính, công khai, minh bạch, cải cách tiền lương... vừa tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, vừa có tác dụng ngăn ngừa tiêu cực, tham nhũng.

- Công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống tham nhũng có nhiều đổi mới, định hướng thông tin về những vấn đề nhạy cảm trong xử lý tham nhũng, đấu tranh phản bác luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, tạo sự đồng thuận trong xã hội, cổ vũ, động viên, khích lệ nhân dân tích cực tham gia đấu tranh PCTN.

- Các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và nhân dân trong PCTN ngày càng phát huy hiệu quả thiết thực: tăng cường giám sát công tác PCTN từ Trung ương đến cơ sở; tăng cường giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức của cán bộ, đảng viên...

- Hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng được tăng cường, đạt kết quả tích cực; hoạt động PCTN từng bước được mở rộng ra khu vực ngoài nhà nước.

Nhìn lại quá trình triển khai thực hiện Luật PCTN nước ta, đặc biệt từ khi thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, nhất là trong nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng, công tác PCTN được lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện ráo riết, quyết liệt, kiên trì, đồng bộ, toàn diện, bài bản, đi vào chiều sâu, với quyết tâm chính trị rất cao, đạt nhiều kết quả rất quan trọng. Tham nhũng từng bước được kiềm chế, ngăn chặn, góp phần quan trọng làm trong sạch bộ máy Đảng và Nhà nước, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân, nâng cao vị thế, uy tín của nước ta trên trường quốc tế. Kết quả đạt được trong công tác PCTN thời gian qua đã khẳng định những mục tiêu, quan điểm, chủ trương, giải pháp của Đảng và Nhà nước về PCTN.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định và bổ sung một số định hướng lớn trong đó có công tác PCTN, để làm tốt cần nâng cao hiệu, lực hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng và kiểm soát chặt chẽ quyền lực, đẩy mạnh xây dựng cơ chế, chính sách, kỷ cương để đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí.

Giải pháp thời gian tới trong công tác đấu tranh, PCTN cần chú trọng nâng cao hơn nữa vai trò, trách nhiệm và hiệu quả các cơ quan nội chính, kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, không bị tác động không trong sáng bởi bất kỳ tổ chức cá nhân nào; Kiên toàn tổ chức, tinh giản biên chế, thu gọn đầu mối, minh bạch, kiểm soát quyền lực và thực hành liêm chính PCTN, tiêu cực trước hết phải được tiến hành có hiệu quả ngay trong từng cơ quan, đơn vị./.